

NGUYỄN TRỌNG BIỂU

TỪ ĐIỂN

# HÓA HỌC

VIỆT – ANH

Vietnamese – English  
dictionary of chemistry



NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA - HÀ NỘI

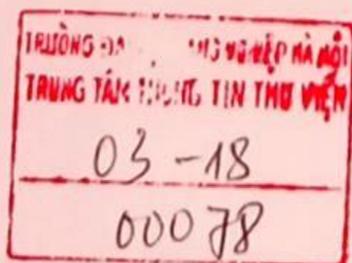
NGUYỄN TRỌNG BIỂU

TỪ ĐIỂN

HÓA HỌC

VIỆT-ANH

(khoảng 40.000 thuật ngữ)



NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA - HÀ NỘI

NGUYỄN TRỌNG BIỂU

**Vietnamese-English  
dictionary  
of  
chemistry**

(about 40,000 terms)

POLYTECHNICS PUBLISHING HOUSE – HANOI

## LỜI NÓI ĐẦU

Hơn 40 năm qua các từ điển song ngữ Nga - Việt, Anh - Việt, Pháp - Việt về Hóa học được xuất bản đã giúp ích khá nhiều cho học sinh, sinh viên, người nghiên cứu và sản xuất Hóa học tìm hiểu, áp dụng được nhiều kiến thức, thành quả về Hóa học của nước ngoài.

Ngày nay, đội ngũ đông đảo ngành Hóa học, với tiềm lực kiến thức của mình và tiềm lực kinh tế quốc gia, đang bắt tay vào công việc phát triển đất nước thêm phồn vinh hiện đại. Đòi hỏi về giao lưu khoa học kỹ thuật, kinh tế, thương mại, và xây dựng cho ngành đã trở nên rất cần thiết về cả hai chiều. Do đó việc diễn đạt bằng ngôn ngữ nước ngoài trong giảng dạy, học tập hóa học, hội thảo khoa học, trao đổi kỹ thuật, thương mại cần được hỗ trợ nhiều hơn nữa. Sự tư duy và thể hiện bằng tiếng Anh cũng là cần thiết trong bước đầu hiện đại hóa giảng dạy và học tập nhằm đạt tiêu chuẩn quốc tế ngành đại học.

Đáp ứng nhu cầu mới đó, Nhà xuất bản Bách khoa cho ấn hành cuốn từ điển đối chiếu song ngữ đầu tiên về Hóa học từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Từ điển ngôn ngữ Hoá học này nhằm phục vụ các độc giả là thầy giáo, người nghiên cứu, sinh viên - học sinh, người sản xuất - thiết kế - thương mại thuộc:

- Ngành Hoá học.
- Các ngành xuất xứ từ ngành Hóa học như Kỹ thuật Thực phẩm, Silicat, Nhiên liệu, Dệt, Da, Nhuộm.
- Các ngành có liên quan chặt chẽ với ngành Hóa như Luyện kim, Địa chất - Khoáng thạch học, Nông - Lâm nghiệp.
- Các ngành sử dụng thành phẩm hoặc hỗ trợ cho ngành Hóa như Xây dựng, Cơ khí, các phòng thí nghiệm Hóa học của các cơ quan, xí

nghiệp dân sự cũng như quân sự, các tổ chức thương mại-xuất nhập khẩu trang thiết bị hóa học hoặc hóa chất.

Ngành Hóa học, ngành khoa học kỹ thuật lớn và chủ yếu, có quan hệ chặt chẽ với nhiều ngành khác; ngôn ngữ Hóa học bao gồm hàng trăm vạn thuật ngữ, tên hóa chất, trang thiết bị và từ ngữ, cuốn từ điển này chỉ mới chọn khoảng 40.000 từ cần thiết nhất.

Việc biên soạn cho thấy không ít điều phức tạp, khó khăn sao cho phù hợp giữa thuật ngữ học với kỹ thuật từ điển, giữa sự quen dùng với ngôn ngữ khoa học chính thống, giữa cách suy nghĩ tiếng Việt với sự lựa chọn tiếng Anh tương xứng.

Từ đó, có thể có những thiếu sót, điều chưa thỏa đáng.

Nhà xuất bản mong được cảm ơn những tu bổ thêm của các nhà ngôn ngữ học, từ điển học, và các độc giả.

NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA

## CÁCH SỬ DỤNG

- Thuật ngữ tiếng Việt được sắp xếp theo thứ tự chữ cái cùng với thứ tự dấu thanh điệu của tiếng Việt, trong đó có bổ sung thêm một số vần chữ cái tiếng La-tinh nhằm sử dụng thuật ngữ nước ngoài qua cách phiên chuyển.

Như vậy, từ điển được sắp vần như sau:

Thứ tự vần chữ cái: A, Ă, Â, B, C, D, Đ, E, Ê, F (bổ sung), G, H, I, J (bổ sung), K, L, M, N, O, Ô, Ơ, P, Q, R, S, T, U, Ư, V, X, Y, Z (bổ sung).

Thứ tự dấu thanh điệu: không dấu, dấu huyền ( ` ), dấu hỏi ( ? ), dấu ngã ( ~ ), dấu sắc ( ^ ), dấu nặng ( . ).

Tên riêng nước ngoài được giữ nguyên dạng, không phiên âm, nhưng chữ cái đầu của tên riêng được xếp theo vần chữ cái tiếng Việt.

Ví dụ:

**Định luật Dalton**

**Định luật di chuyển độc lập của ion**

**Định luật Dulong-Petit**

**Định luật điện phân Faraday**

- Thuật ngữ đồng nghĩa trong tiếng Việt được đặt trong ngoặc đơn ngay sau thuật ngữ chính, in nghiêng và đậm với cỡ chữ nhỏ hơn.

Ví dụ: **argon** (*argon*)

**hai lần thế** (*thế hai lần*)

- Các chữ, từ, cụm từ đặt trong ngoặc đơn là có thể dùng hoặc không dùng, trừ chú thích chữ nhỏ in nghiêng và có kèm theo công thức thành phần hóa học các khoáng vật, hoặc các số La mã đi kèm sau các nguyên tố

Ví dụ: **(có màu) da cam** cũng có thể đọc là **da cam**

**halogen hóa (bằng phương pháp) điện hóa** cũng có thể đọc là **halogen hóa điện hóa**

**colo(u)r** cũng có thể viết là **color**.

- Các loại từ khác nhau được phân cách bằng hai gạch chéo //.  
Ứng với một thuật ngữ tiếng Việt có thể sử dụng nhiều loại từ tiếng Anh. Khi này tiếng Anh được sắp đặt theo trình tự danh từ (bao gồm cả danh động từ) // động từ // tính từ (bao gồm cả tính động từ, trạng từ, trạng ngữ).

Trong trường hợp thuật ngữ tiếng Anh là động từ thì trước nó có thêm giới từ (*to*) in nghiêng, cỡ nhỏ để chỉ động từ là ở dạng nguyên mẫu.

Ví dụ: **đánh thủng** disruption // (*to*) disrupt // disruptive.

- Chữ số hoặc chữ cái tiếng Việt, tiếng Hy Lạp dùng làm chỉ số cũng như các chữ viết tắt chỉ cấu trúc có trong tên hoá học các chất không được xếp vần theo vần chữ cái, nhưng vẫn theo thứ tự dãy số, chữ cái, chữ viết tắt của các thuật ngữ có cùng cấu trúc đó.

Ví dụ: (gốc) adipyl

(gốc)  $\alpha$ -alanyl

(gốc)  $\beta$ -alanyl

(gốc) ankoxy

....

(gốc) dicacbamoyl

(gốc) 3,4- dimetoxyphenetyl

(gốc) 3,4- dimetoxyphenylaxetyl

(gốc) dimetylamino